|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Hai ngày 7 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 22: ng ngh (2 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ**

* Nhận biết âm và chữ **ng, ngh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ng, ngh.**
* Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện tiếng có **ng, ngh.**
* Nắm được quy tắc chính tả: **ngh + e, ê, i / ng + a, o, ô, ơ,...**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bi nghỉ hè.*
* Viết đúng trên bảng con các chữ **ng, ngh,** tiếng **ngà, nghé.**

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Giáo dục học sinh: tình yêu thiên nhiên, khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy tính, ppt bài giảng.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | | | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **TIẾT 1** | | | | | | |  |
| 5 phút | | | **1/ Khởi động** | - GV mời HS đọc nối tiếp từng câu bài tập đọc *Bi ở nhà*, 1 HS đọc toàn bài.  - GV nhận xét.  - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu.  - GV ghi chữ **ng**, nói: **ngờ.**  - GV ghi chữ **ngh**, nói: **ngờ.**  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS. | | - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - 4-5 em, cả lớp: **ngờ.**  - Cá nhân, cả lớp: **ngờ.** | SGK |
| **15 phút** | | **2/ Khám phá** | | | **2.1 Âm và chữ ng**  - GV chỉ hình ngà voi, hỏi: Đây là cái gì? (ngà voi).  - GV: Trong từ ngà voi, tiếng nào có chứa âm ngờ?  - GV chỉ chữ ng, phát âm: ngờ.  - GV chỉ: ngà.  - GV gọi HS phân tích tiếng ngà.   |  |  | | --- | --- | | ngà | | | ng | à |   - GV phân tích lại: Tiếng ngà gồm có âm ngờ đứng trước, âm a đứng sau, thanh huyền đặt trên đầu âm ê. Âm ngờ viết bằng chữ ng (tạm gọi là ngờ đơn.  - Yêu cầu đánh vần,  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  **2.1 Âm và chữ ngh**  - GV chỉ hình con nghé, hỏi: Đây là con gì? (nghé). GV giới thiệu: nghé là con trâu con.  - GV chỉ chữ ngh, phát âm: ngờ. GV giới thiệu chữ ngh: Trong một số trường hợp, âm ngờ được ghi bởi chữ ngh, tạm gọi là ngờ kép.  - GV chỉ: nghé.  - GV gọi HS phân tích tiếng ngà.   |  |  | | --- | --- | | nghé | | | ngh | é |   - GV phân tích lại: Tiếng nghé gồm có âm ngờ đứng trước, âm e đứng sau, thanh sắc đặt trên đầu âm e. Âm ngờ viết bằng chữ ngh (tạm gọi là ngờ kép).  - Yêu cầu HS đánh vần.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét. | - HS trả lời: ngà voi.  - HS trả lời: tiếng ngà.  - HS nhắc lại.  - HS phân tích.  - HS nói thầm theo.  - Một số HS nhắc lại.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng.  - HS thực hiện.  - HS trả lời: ngà voi.  - HS trả lời: tiếng ngà.  - HS nhắc lại.  - HS phân tích.  - HS nói thầm theo.  - Một số HS nhắc lại.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng.  - HS thực hiện. | PP, SGK, tranh (ngà voi, con nghé), mô hình tiếng ngà, nghé |
| **10 phút**  **5 phút** | | **3/ Luyện tập** | | | **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ ng? Tiếng nào có chữ ngh?)  - GV chỉ từng chữ dưới hình.  - GV gọi HS trả lời: Tiếng nào có chữ ng?  - Tiếng nào có chữ ngh?  - GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng gà có “g đơn”... Tiếng ghi có “gh kép”...  - GV yêu cầu HS nối trong VBT.  **3.2. Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)  - Nhìn bảng và nhận xét: Chữ ngh và chữ ng đi với những chữ cái nào?  - GV giới thiệu quy tắc chính tả ng / ngh, giải thích: Cả 2 chữ ng (ngờ đơn) và ngh (ngờ kép) đều ghi âm ngờ. Bảng này cho các em biết khi nào âm gờ viết là ngờ đơn (ng); khi nào âm ngờ viết là ngờ kép (ngh).  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ e, ê, i, âm ngờ viết là ngh kép.  - GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm ngờ viết là ng đơn.  - GV chỉ sơ đồ ghi nhớ. | - HS quan sát tranh và đọc các từ.  - HS gạch 1 gạch dưới tiếng có chữ ng, 2 gạch dưới tiếng có chữ ngh.  - 1 - 2 HS trả lời.  - 1 - 2 HS trả lời.  - Cả lớp đồng thanh.  - HS hoàn thành VBT.  - HS quan sát và trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần, đọc các tiếng trong bảng.  - HS đánh vần, đọc các tiếng trong bảng.  - HS đọc đồng thanh và ghi nhớ quy tắc chính tả: gh n+ e, ê, i / ng+ a, o, ô, ơ, … | PP, SGK, VBT |
| **TIẾT 2** | | | | | | |  |
| **7 phút** | **1/ Luyện đọc bài tập đọc** | | | | **\*Luyện đọc từ ngữ:** nghỉ hè, nhà bà, nghé, ổ gà, ngô, nho nhỏ, mía.  **\*Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:**  - GV: Bài đọc có mấy tranh và mấy câu?.  - Đọc từng câu:  + GV gọi HS đọc mẫu câu 1.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 2.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 3.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 4.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 5.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 6.  + GV chỉ chậm từng câu và đọc lại.  - Đọc tiếp nối: (cá nhân/ từng cặp):  + Y/c HS đọc bài của từng tranh.  + GV phát hiện và sửa lỗi cho HS.  - GV chỉ vài câu bất kì.  **\*Thi đọc cả bài:** (Theo cặp/tổ)  - YC HS hoạt động nhóm.  - GV nhận xét đánh giá. | - HS/ cả lớp: đánh vần/ đọc trơn các từ ngữ cô giáo chỉ.  - 6 tranh và 6 câu.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - Cả lớp đọc thầm.  - HS thực hiện.  - HS tiếp nối nhau đọc nội dung từng tranh trong bài.  - 3 cặp HS tiếp nối nhau đọc lời dưới từng tranh.  - 1 vài HS đọc.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - Các cặp thi nhau đọc tiếp nối 2 đoạn trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh cả bài. | PP, SGK |
| **5 phút** | **2/ Tìm hiểu bài đọc** | | | | - GV gắn lên bảng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc.  - GV gọi HS ghép các vế câu trên bảng lớp.  - GV hỏi thêm: Ổ gà ở nhà bà được tả thế nào? (Ổ gà be bé). / Nhà nghé được tả thế nào? (Nhà nghé nho nhỏ). / Nghé được ăn gì? (Nghé được ăn cỏ, ăn mía). | - HS đọc.  - HS lên bảng ghép.  - HS trả lời. | PP, SGK, thẻ từ |
| **20 phút** | **3/ Viết bảng con** | | | | - GV viết mẫu từng chữ và tiếng trên bảng vừa hướng dẫn quy trình.  + Chữ ng: là chữ ghép từ hai chữ n và g. Chữ n viết trước (1 nét móc trên, 1 nét móc hai đầu) và chữ g viết sau (1 nét cong kín và 1 nét khuyết dưới).  + Chữ ngh: ghép từ 3 chữ n, g và h. Viết lần lượt: n, g, h.  + Tiếng ngà: chữ ng viết trước, chữ a viết sau, dấu huyền đặt trên chữ a. Chú ý nối nét ng và a.  + Tiếng nghé: viết ngh trước, e sau, dấu sắc đặt trên e. Chú ý nối nét ngh và e.  - GV y/c HS thực hiện bảng con.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe, quan sát.  - HS thực hiện viết bảng con 2 - 3 lần.  - HS giơ bảng. | Phấn, bảng con |
| **3 phút** | **4/ Củng cố, dặn dò** | | | | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - Nêu lại quy tắc chính tả khi ghép chữ ng/ngh với các chữ cái khác.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Chữ ng và ngh.  - HS nêu lại.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Ba ngày 8 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 23: p, ph (2 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái p, ph; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có p, ph.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có: âm p, âm ph.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Nhà dì.

- Viết đúng các chữ: p, pi a nô, ph, phố cổ (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ đồ dùng, bảng con, hộp phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **TIẾT 1** | | | |  |
| **5 phút** | **1/ Khởi động** | - GV cho HS chơi trò truyền bóng: GV mở nhạc, HS lần lượt truyền bóng. Đến khi nhạc dừng, bóng truyền đến bạn nào, bạn đó sẽ đọc một câu có trong bài “Bi nghỉ hè”.  - GV cho cả lớp đọc lại bài đọc “Bi nghỉ hè”.  - GV giới thiệu bài mới. | - HS tham gia chơi.  - Cả lớp đọc. | 1 quả bóng, nhạc trò chơi |
| **15 phút** | **2/ Khám phá** | **a) Âm p, chữ p:**  - GV đưa ra hình đàn pi a nô và hỏi: Đây là cái gì?  - GV: trong từ pi a nô, tiếng nào có âm p?  - GV gọi 1 HS phân tích tiếng pi.  - GV giới thiệu mô hình tiếng pi.   |  |  | | --- | --- | | pi | | | p | i |   - GV phân tích lại: Tiếng pi gồm có âm pờ đứng trước, âm i đứng sau.  - GV gọi 1 HS đánh vần, đọc trơn.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  **b) Âm ph, chữ ph:**  - GV đưa ra hình phố cổ và hỏi: Đây là đâu?  + GV: Phố cổ là phố có nhiều nhà cổ, xây từ thời xưa.  - GV: trong từ phố cổ, tiếng nào có âm ph?  - GV giới thiệu mô hình tiếng phố.   |  |  | | --- | --- | | phố | | | ph | ố |   - GV phân tích lại.  - GV cho HS đánh vần, đọc trơn.  - GV giới thiệu: Chữ và âm **p** rất ít gặp, chỉ xuất hiện trong một số từ như: pí po, pin.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu chữ P hoa. | - HS quan sát và trả lời: pi a nô.  - HS: tiếng pi.  - 1 HS phân tích.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: pờ-i-pi/ pi.  - HS thực hiện.  - HS quan sát và trả lời: phố cổ.  - HS: tiếng phố.  - HS phân tích: Tiếng phố gồm có âm ph đứng trước, âm ô đứng sau, thanh sắc trên âm ô.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: phờ - ô - phô - sắc - phố / phố.  - HS thực hiện. | PP, SGK, tranh (pianô, phố cổ), mô hình tiếng pi, phố |
| **15 phút** | **3/ Luyện tập** | **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tiếng nào có âm p? Tiếng nào có âm ph?  - GV y/c HS quan sát tranh và nêu tên từng sự vật.  - GV y/c HS nối trong VBT.  - GV y/c HS báo cáo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự.  - Các em hãy tìm thêm tiếng có p, có ph ngoài những từ trong SGK.  - GV tuyên dương. | - HS quan sát tranh và 1 HS trả lời: pa nô, phà, phở bò,…  - HS thực hiện làm bài tập trong VBT.  - Các nhóm thảo luận và báo cáo:  + Âm p: pa nô.  + Âm ph: phà, phở bò, phi, cà phê.  - Cả lớp:  + Tiếng pa có âm p. Tiếng phà có âm ph,…  - HS tìm từ. | PP, VBT |
| **TIẾT 2** | | | |  |
| **15 phút** | **1/ Luyện đọc bài tập đọc** | - GV chí hình, giới thiệu bài đọc: Bi và gia đình đến chơi nhà dì ở phố.  - GV đọc mẫu.  **\*Luyện đọc từ ngữ:** dì Nga, pi a nô, đi phố, ghé nhà dì, pha cà phê, phở.  **\* Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:**  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - Đọc từng câu:  + GV gọi HS đọc mẫu câu 1.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 2.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 3.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 4.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 5.  + GV chỉ chậm từng câu và đọc lại.  - Đọc tiếp nối: (cá nhân/ từng cặp):  + Y/c HS đọc từng câu.  + GV phát hiện và sửa lỗi cho HS.  - GV chỉ vài câu bất kì.  **\*Thi đọc cả bài:** (Theo cặp/tổ)  - YC HS hoạt động nhóm.  **\*Tìm hiểu bài đọc:**  - GV gắn lên báng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc.  - GV gọi 2 HS lên ghép thẻ từ, HS khác nhận xét.  - GV nhận xét đánh giá.  - GV: Ở nhả dì Nga, gia đình Bi được thưởng thức đồ ăn, thức uống gì? | - HS lắng nghe  - HS/cả lớp: đánh vần/ đọc trơn các từ ngữ cô giáo chỉ.  - 5 câu.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  .- Cả lớp đọc thầm.  - HS thực hiện.  - HS tiếp nối nhau đọc nội dung từng câu trong bài.  - 3 cặp HS tiếp nối nhau đọc lời dưới từng tranh.  - 1 vài HS đọc.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - Các cặp thi nhau đọc tiếp nối 5 câu trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - Cả lớp đọc các cụm từ, đọc lại nội dung bài tập đọc.  - 2 HS ghép, HS khác nhận xét.  - HS thực hiện nối trong vở bài tập.  - HS trả lời: Bố mẹ uống cà phê. Bi ăn phở. Bé Li có na. | PP, SGK |
| **18 phút** | **3/ Viết bảng con** | - GV hướng dẫn HS cách lấy bảng con và dùng bảng.  - GV viết mẫu từng chữ và tiếng trên bảng vừa hướng dẫn quy trình.  + Chữ p: cao 4 li; viết 1 nét hất, 1 nét thẳng đứng, 1 nét móc hai đầu.  + Chữ ph: là chữ ghép từ hai chữ p và h. Viết p trước, h sau (từ p viết liền mạch sang h tạo thành ph).  + Từ pi a nô: GV chú ý không đặt gạch nối giữa các tiếng trong những từ mượn đã được Việt hoá (không cần nói với HS điều này).  + Viết phố (cổ): viết ph trước, ô sau. Chú ý nối nét ph và ô.  - GV y/c HS thực hiện bảng con.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lấy bảng con.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS thực hiện viết bảng con 2 - 3 lần.  - HS giơ bảng. | Phấn, bảng con |
| **2 phút** | **4/ Củng cố, dặn dò** | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Chữ p, chữ ph.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Ba ngày 8 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Tập viết: ng, ngh, p, ph** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Tô, viết đúng các chữ **ng, ngh, p, ph** và các tiếng **ngà, nghé, pi a nô, phố cổ -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa chữ mẫu.

- Học sinh: Vở Luyện viết Tiếng Việt lớp 1 – tập 1.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội**  **dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | - GV tổ chức trò chơi “Đứng lên, ngồi xuống”.  Cách chơi: GV lần lượt đọc các từ đã học ở bài hôm trước. Từ nào có âm p, HS đứng lên; từ nào có âm ph, HS ngồi xuống.  - GV nhận xét.  - GV kết nối bài học: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ *ng, ngà, ngh, nghé, p, pi a nô, ph, phổ cổ*. | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe. |  |
| **10 phút** | **2. Khám phá** | **a) Tập tô, tập viết: ng, ngà, ngh, nghé**  - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình.  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ ng viết như thế nào?  + Chữ ngà viết như thế nào?  + Chữ ngh viết như thế nào?  + Chữ nghé viết như thế nào?  - GV chiếu video hướng dẫn quy trình viết và viết lại lên bảng.  **b) Tập viết: p, pi a nô, ph, phổ cổ**  - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình.  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ p viết như thế nào?  + Chữ pi a nô viết như thế nào?  + Chữ ph viết như thế nào?  + Chữ phố cổ viết như thế nào?  - GV chiếu video hướng dẫn quy trình viết và viết lại lên bảng. | - HS đọc: kh, khế, m, me.  - HS nói cách viết:  + Chữ *ng:* là chữ ghép từ hai chữ *n* và *g.* Viết *n* trước, *g* sau.  + Tiếng *ngà:* viết *ng* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a;* chú ý nối nét *ng* và *a.*  + Chữ *ngh:* là chữ ghép từ ba chữ *n,g và h.*  + Tiếng *nghé:* viết *ngh* trước, *e* sau, dấu sắc đặt trên e; chú ý nối nét *ngh* và *e.*  - HS quan sát.  - HS đọc: n, nơ, nh, nho.  - HS nói cách viết:  + Chữ *p:* cao 4 li; gồm nét hất, nét thẳng đứng và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, dừng bút ở ĐK 3 (ưên). Từ điểm dừng của nét 1, viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 (trên), viết n ét móc hai đầu (chạm ĐK 3), dừng ở ĐK 2 (trên).  + Từ *pi a nô:* gồm 3 tiếng *pi, a, nô.*  + Chữ *ph:* là chữ ghép từ *p* và *h.* Viết *p* trước, viết *h* sau (từ *p* viết liền mạch sang *h* tạo thành *ph).*  + Tiếng *phổ,* viết *ph* trước, *ô* sau, dấu sắc đặt trên *ô.* / Tiếng *cổ:* viết *c* trước, *ô* sau, dấu hỏi trên *ô.*  - HS quan sát. | PP |
| **20 phút** | **3. Luyện tập, thực hành** | - Cho HS mở vở Luyện viết 1, tập 1.  - Hướng dẫn HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng.  - GV cho HS tập tô, tập viết các chữ có trong bài.  - GV theo dõi, giúp đỡ, hỗ trợ HS yếu. Khuyến khích HS khá, giỏi viết hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  - GV chấm 1 số bài của HS.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương bạn viết đẹp. | - HS mở vở viết bài.  - HS thực hành ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết đúng quy trình.  - HS viết bài cá nhân.   * Quan sát, nhận xét. | Vở luyện viết |
| **2 phút** | **4. Củng cố** | - GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà. | - HS lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Tư ngày 9 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 24:**  **qu, r (2 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái qu, r; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có qu, r.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có: âm qu, âm r.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Quà quê.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ đồ dùng, bảng con, hộp phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **5 phút** | **1/ Khởi động** | - GV cho HS chơi trò truyền bóng: GV mở nhạc, HS lần lượt truyền bóng. Đến khi nhạc dừng, bóng truyền đến bạn nào, bạn đó sẽ đọc một câu có trong bài “Nhà dì”.  - GV cho cả lớp đọc lại bài đọc “Nhà dì”.  - GV giới thiệu bài mới: chỉ chữ qu, nói: quờ. Làm tương tự với r (rờ). | - HS tham gia chơi.  - Cả lớp đọc.  - HS đọc. | 1 quả bóng, nhạc trò chơi |
| **15 phút** | **2/ Khám phá** | **a) Âm qu, chữ qu:**  - GV đưa ra hình quả lê và hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Lê là loại quả rất thơm và ngọt.  - GV: trong từ quả lê, tiếng nào có âm qu?  - GV gọi 1 HS phân tích tiếng quả.  - GV giới thiệu mô hình tiếng quả.   |  |  | | --- | --- | | quả | | | qu | ả |   - GV phân tích lại: Tiếng quả gồm có âm quờ đứng trước, âm a đứng sau, thanh hỏi trên a.  - GV gọi 1 HS đánh vần, đọc trơn.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu chữ Q hoa.  **b) Âm r, chữ r:**  - GV đưa ra hình rổ cá và hỏi: Đây là cái gì?  - GV: trong từ rổ cá, tiếng nào có âm r?  - GV giới thiệu mô hình tiếng rổ.   |  |  | | --- | --- | | rổ | | | r | ổ |   - GV phân tích lại.  - GV cho HS đánh vần, đọc trơn.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu chữ R hoa. | - HS quan sát và trả lời: quả lê.  - HS: tiếng quả.  - 1 HS phân tích.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: quờ - a - qua - hỏi - quả / quả.  - HS thực hiện.  - HS quan sát và trả lời: rổ cá.  - HS: tiếng rổ.  - HS phân tích: Tiếng rổ gồm có âm r đứng trước, âm ô đứng sau, thanh hỏi trên ô.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ.  - HS thực hiện. | PP, SGK, tranh (quả lê, rổ), mô hình tiếng quả, rổ |
| **10 phút** | **3/ Luyện tập** | **Mở rộng vốn từ** (BT 2)  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tiếng nào có âm qu? Tiếng nào có âm r?  - GV y/c HS quan sát tranh và nêu tên từng sự vật.  - GV y/c HS nối trong VBT.  - GV tuyên dương. | - HS quan sát tranh và 1 HS trả lời: cá quả, rá, quế,…  - HS thực hiện làm bài tập trong VBT. | PP, SGK, VBT |
| **15 phút** | **1/ Luyện đọc bài tập đọc** | - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Bài đọc kể về những món quà quê. Quà quê là thứ quà do người nông dân tự tay nuôi, trồng, làm ra để ăn, để biếu, cho, tặng người thân. Đó là những món quà giản dị, quen thuộc nhưng bây giờ luôn là những món quà quý vì ngon, lạ và sạch sẽ, an toàn.  - GV đọc mẫu.  **\*Luyện đọc từ ngữ:** quà quê, Quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.  **\* Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:**  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - Đọc từng câu:  + GV gọi HS đọc mẫu câu 1.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 2.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 3.  + GV gọi HS đọc mẫu câu 4.  + GV chỉ chậm từng câu và đọc lại.  - Đọc tiếp nối: (cá nhân/ từng cặp):  + Y/c HS đọc từng câu.  + GV phát hiện và sửa lỗi cho HS.  - GV chỉ vài câu bất kì.  **\*Thi đọc cả bài:** (Theo cặp/tổ)  - YC HS hoạt động nhóm.  **\*Tìm hiểu bài đọc:**  - GV nêu câu hỏi: Bà cho nhà Quế quà gì?  - GV nhận xét. | - HS lắng nghe.  - HS/cả lớp: đánh vần/ đọc trơn các từ ngữ cô giáo chỉ.  - 4 câu.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - 1 HS đọc /cả lớp.  - Cả lớp đọc thầm.  - HS thực hiện.  - HS tiếp nối nhau đọc nội dung từng câu trong bài.  - 3 cặp HS tiếp nối nhau đọc lời dưới từng tranh.  - 1 vài HS đọc.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - Các cặp thi nhau đọc tiếp nối 5 câu trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - HS đọc lại bài đọc, quan sát tranh, 1 HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét. | PP, SGK |
| **2 phút** | **4/ Củng cố, dặn dò** | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Chữ qu, chữ r.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Tư ngày 9 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 25: s, x (2 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái s, x; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có s, x.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có: âm s, âm x.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Sẻ, quạ.

- Viết đúng các chữ: s, x, sẻ, xe ca (trên bảng con).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ đồ dùng, bảng con, hộp phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **5 phút** | **1/ Khởi động** | - GV cho HS chơi trò truyền bóng: GV mở nhạc, HS lần lượt truyền bóng. Đến khi nhạc dừng, bóng truyền đến bạn nào, bạn đó sẽ đọc một câu có trong bài “Quà quê”.  - GV cho cả lớp đọc lại bài đọc “Quà quê”.  - GV giới thiệu bài mới: chỉ chữ s, nói: sờ. Làm tương tự với x (xờ). | - HS tham gia chơi.  - Cả lớp đọc.  - HS đọc | 1 quả bóng, nhạc trò chơi |
| **10 phút** | **2/ Khám phá** | **a) Âm s, chữ s:**  - GV đưa ra hình chim sẻ và hỏi: Đây là con gì?  - GV gọi 1 HS phân tích tiếng sẻ.  - GV giới thiệu mô hình tiếng sẻ.   |  |  | | --- | --- | | sẻ | | | s | ẻ |   - GV phân tích lại: Tiếng sẻ gồm có âm sờ đứng trước, âm e đứng sau, thanh hỏi trên e.  - GV gọi 1 HS đánh vần, đọc trơn.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu chữ S hoa.  **b) Âm x, chữ x:**  - GV đưa ra hình và hỏi: Đây là cái gì?  - GV: trong từ xe ca, tiếng nào có âm x?  - GV giới thiệu mô hình tiếng xe.   |  |  | | --- | --- | | xe | | | x | e |   - GV phân tích lại.  - GV cho HS đánh vần, đọc trơn.  - GV yêu cầu HS ghép bảng.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu chữ X hoa. | - HS quan sát và trả lời: chim sẻ.  - 1 HS phân tích.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.  - HS thực hiện.  - HS quan sát và trả lời: xe ca.  - HS: tiếng xe.  - HS phân tích: Tiếng xe gồm có âm x đứng trước, âm e đứng sau.  - HS đọc thầm.  - HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: xờ - e - xe /xe.  - HS thực hiện. | PP, SGK, tranh (chim sẻ, xe ca), mô hình tiếng sẻ, ca |
| **5 phút** | **3/ Luyện tập** | **Mở rộng vốn từ** (BT 2)  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tiếng nào có âm s? Tiếng nào có âm e?  - GV y/c HS quan sát tranh và nêu tên từng sự vật.  - GV y/c HS nối trong VBT.  - GV y/c HS báo cáo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự.  - Các em hãy tìm thêm tiếng có s, có x ngoài những từ trong SGK.  - GV tuyên dương. | - HS quan sát tranh và 1 HS trả lời: sổ, xô, si, xẻ gỗ.  - HS thực hiện làm bài tập trong VBT.  - Các nhóm thảo luận và báo cáo:  + Âm s: sổ, si.  + Âm x: xô, xẻ gỗ.  - Cả lớp:  + Tiếng sổ có âm s. Tiếng xe có âm x,…  - HS tìm từ. | PP, SGK, VBT |
| **15 phút** | **1/ Luyện đọc bài tập đọc** | - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: bài đọc kể về một chú sẻ con rất sợ hãi khi nghe tiếng quạ kêu. Các em cùng đọc để biết sẻ và quạ khác nhau thế nào và vì sao nghe quạ la thì không nên sợ.  - GV đọc mẫu: rõ ràng, chậm rãi; vừa đọc vừa chỉ hình.  **\*Luyện đọc từ ngữ:** nhà sẻ, sẻ bé, ca “ri... ri...”, phía xa, nhà quạ, quạ la “quà... quà...”, sợ quá, dỗ.  **\* Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:**  - GV: Bài đọc có mấy tranh và mấy câu?  - Đọc từng câu:  + GV chỉ chậm từng câu và đọc lại.  - Đọc tiếp nối: (cá nhân/ từng cặp):  + Y/c HS đọc từng câu.  - GV chỉ vài câu bất kì.  + GV phát hiện và sửa lỗi cho HS.  **\*Thi đọc cả bài:** (Theo cặp/tổ)  - YC HS hoạt động nhóm.  **\*Tìm hiểu bài đọc:**  - GV nêu câu hỏi: Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì?  - GV nhận xét, chốt: Mỗi loài có tiếng nói riêng, sẻ không phải sợ tiếng kêu của quạ. / Mỗi loài có tiếng kêu, tiếng hót riêng. / Mỗi loài có đặc điểm riêng. | - HS lắng nghe.  - HS/cả lớp: đánh vần/ đọc trơn các từ ngữ cô giáo chỉ.  - Bài có 6 tranh. Dưới mỗi tranh 1, 2, 3, 4, 5 có 1 câu. Tranh 6 có 4 câu.  - 1 HS đọc /cả lớp.  .- Cả lớp đọc thầm.  - HS thực hiện.  - HS tiếp nối nhau đọc nội dung từng câu trong bài.  - 3 cặp HS tiếp nối nhau đọc lời dưới từng tranh.  - 1 vài HS đọc.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - Các cặp thi nhau đọc tiếp nối 5 câu trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - HS đọc lại bài đọc, quan sát tranh, 1 HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe. | PP, SGK |
| **2 phút** | **4/ Củng cố, dặn dò** | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Chữ s, chữ x.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 10 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Tập viết: qu, r, s, x** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Tô đúng, viết đúng các chữ **qu, r, s, x,** các tiếng **quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca** chữ viết thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, đặt đúng vị trí, đưa bút theo đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập một.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa chữ mẫu.

- Học sinh: Vở Luyện viết Tiếng Việt lớp 1 – tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | - GV tổ chức trò chơi “Đứng lên, ngồi xuống”.  Cách chơi: GV lần lượt đọc các từ đã học ở bài hôm trước. Từ nào có âm s, HS đứng lên; từ nào có âm x, HS ngồi xuống.  - GV nhận xét.  - GV kết nối bài học: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ qu, r, s, x, quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca. | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe. |  |
| **10 phút** | **2. Khám phá** | **a) Tập tô, tập viết:** qu, r, quả lê, rổ cá.  - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình.  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ qu viết như thế nào?  + Chữ quả viết như thế nào?  + Chữ r viết như thế nào?  + Chữ rổ viết như thế nào?  - GV chiếu video hướng dẫn quy trình viết và viết lại lên bảng.  b) Tập viết: s, x, sẻ, xe ca  - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình.  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ s viết như thế nào?  + Chữ sẻ viết như thế nào?  + Chữ x viết như thế nào?  + Chữ xe viết như thế nào?  - GV chiếu video hướng dẫn quy trình viết và viết lại lên bảng. | - HS đọc: qu, r, quả lê, rổ cá.  - HS nói cách viết:  + Chữ *q:* viết chữ *q* cao 4 li, gồm 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 (trên) một chút, viết nét cong kín (như chữ o). Từ điểm dừng bút, lia bút lên ĐK 3 (trên) viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Đặt bút trên nét 2 của *q,* gần ĐK 1 rồi viết tiếp *u* (cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược), để khoảng cách giữa *q* và *u* không xa quá hoặc gần quá.  + Tiếng *quả*: viết *qu* trước, *a* sau, dấu hỏi đặt trên *a.* / Làm tương tự với *lê.*  + Chữ r: cao hơn 2 li; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo vòng xoắn nhỏ (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút tiếp sang phải nối liền nét móc hai đầu (đầu móc bên trái cao lên), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng rổ: viết *r* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên *ô.* / Làm tương tự với tiếng *cá.*  - HS quan sát.  - HS đọc: s, x, sẻ, xe ca.  - HS nói cách viết:  + Chữ s: cao hơn 2 li một chút; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét cong phải. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút viết tiếp nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2 (gần nét thẳng xiên).  + Tiếng sẻ, viết s trước, e sau, dấu hỏi đặt trên e.  + Chữ x: cao 2 li; gồm 1 nét cong phải, 1 nét cong trái. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2. Từ điểm dừng, lia bút sang phải (dưới ĐK 3 một chút), viết tiếp nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau.  + Tiếng xe, viết x trước, e sau.  - HS quan sát. | PP |
| **20 phút** | **3. Luyện tập, thực hành** | - Cho HS mở vở Luyện viết 1, tập 1.  - Hướng dẫn HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng.  - GV cho HS tập tô, tập viết các chữ có trong bài.  - GV theo dõi, giúp đỡ, hỗ trợ HS yếu. Khuyến khích HS khá, giỏi viết hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  - GV chấm 1 số bài của HS.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương bạn viết đẹp. | - HS mở vở viết bài.  - HS thực hành ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết đúng quy trình.  - HS viết bài cá nhân.   * Quan sát, nhận xét. | Vở luyện viết |
| **2 phút** | **4. Củng cố** | - GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà. | - HS lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 10 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 20: Kể chuyện Kiến và bồ câu** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

**1.1.** **Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh (không cần GV hỏi), có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

**1.2.** **Phát triển năng lực văn học:**

- Nêu được lời khuyên qua câu chuyện: Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người quan tâm đến nhau.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Chăm chú lắng nghe, trả lời câu hỏi một cách tự tin.

- Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để chiếu tranh minh họa.

- Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | | **Đồ dùng** |
| **5 phút** | **Hoạt động: Khởi động** | | | |  |
|  | **1. Khởi động** | - GV mở bài hát “,,,”. Đặt câu hỏi:  ...  - GV giới thiệu tên câu chuyện: Kiến và bồ câu. | - HS lắng nghe và hát theo.  ...  - Lắng nghe. | |  |
|  | **Hoạt động. Khám phá** | | | |  |
| **5 phút** | **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** | ***1.1. Quan sát và phỏng đoán*** | - HS quan sát và trả lời:  + Bồ câu, kiến, bác thợ săn.  + HS phỏng đoán và chia sẻ.  - HS lắng nghe. | | PP, SGK |
| - GV gắn tranh minh họa, giới thiệu:  + Trong câu chuyện xuất hiện những nhân vật nào?  + Em hãy thử đoán xem câu chuyện có nội dung là gì?  - GV: Hôm nay, các em sẽ được nghe kể câu chuyện *Kiến và bồ câu.* Kiến là con vật thế nào? Bồ câu thế nào?  Các em cùng lắng nghe để biết chuyện gì đã xảy ra với kiến và bồ câu nhé! |
| ***1.2. Giới thiệu truyện.*** |  | |
| - GV giới thiệu.  - GV bật đoạn clip kể chuyện *Đôi bạn* trong phần học liệu. | - HS lắng nghe giới thiệu.  - HS lắng nghe. | |
| - GV kể từng đoạn.  + GV kể lần 1: Kể không chỉ tranh  + GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm, khắc sâu ND câu chuyện. | + HS lắng nghe GV kể.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS lắng nghe và quan sát tranh. | |  |
| **20 phút** | **Hoạt động . Luyện tập:** | | | |  |
| **Trả lời câu hỏi theo tranh** | + Tranh 1: Chuyện gì xảy ra khỉ kiến xuống suối uống nước?  + Tranh 2: Nhờ đâu kiến thoát chết?  Kiến thoát chết, trong lòng nó rất biết ơn ai?  + Tranh 3: Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?  + Tranh 4: Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?  \* Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau:  - GV hỏi HS nội dung 2 tranh liền nhau.  \* Trả lời các câu hỏi ở 4 tranh .  - GV hỏi HS nội dung 4 tranh. | + Khi kiến xuống suối uống nước, sóng trào lên, cuốn kiến đi và suýt dìm chết nó.  + Nhờ bồ câu thả một cành lá xuống suối, kiến bò lên lá, sóng đưa lá dạt vào bờ nên kiến thoát chết.  + Bác thợ săn giương súng nhắm bắn bồ câu.  + Kiến đốt vào chân bác thợ săn. Bác thợ săn giật mình, la to, bồ câu nghe động, bay vụt đi.  - HS trả lời gộp nội dung 2 tranh.  - HS trả lời liền mạch. | | PP, SGK |
|  | **Kể chuyện theo tranh** | - GV tổ chức cho HS kể chuyện theo tranh.  - GV yêu cầu thực hiện kể chuyện theo nhóm đôi.  - GV y/c HS kể toàn bộ câu chuyện.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - HS kể nội dung 2 tranh liền kề.  - Thực hiện nhóm đôi: Kể chuyện theo tranh.  - Các nhóm xung phong kể chuyện trước lớp.  - HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  - HS nhận xét phần kể của bạn. | | PP, SGK |
|  | **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện** | - Câu chuyện giúp chúng ta biết thêm được điều gì?  \* GV kết luận: Câu chuyện kế về hai bạn kiến và bồ câu đã biết giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Câu chuyện muốn nói: cần giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình*.*  - GV tuyên dương những em có phát biểu hay nhất. | - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. | |
| **5 phút** | **Củng cố** | **Hoạt động . Củng cố, dặn dò** | | |  |
| - Tuyên dương những HS kể chuyện hay.  - Về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau*.* | | - Lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 10 tháng 10 năm 2024 |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 27: Ôn tập** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:***:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo đúng quy tắc chính tả: ng + a, o, ô, ơ,... / ngh + e, ê, i.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Ở nhà bà.

- Tập chép đúng chính tả câu văn (chữ cỡ nhỡ).

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật, bảng ghép âm đầu + âm chính.

- Học sinh: SGK, Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | - GV tổ chức Trò chơi “Vua từ ngữ”.  Lớp chia làm 3 tổ, các tổ sẽ thi nhau tìm các tiếng có chứa âm đã học. Tổ nào tìm được nhiều tiếng nhất sẽ là tổ chiến thắng.  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài *Ôn tập* để củng cố lại tất cả các âm và chữ đã học. | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe. |  |
| **30 phút** | **Hoạt động. Luyện tập** | | |  |
| **Tập đọc** | **Bài tập 1: Tập đọc**  - GV giới thiệu: Bài *Ở nhà bà* kể về suy nghĩ của Bi khi nghỉ hè ở nhà bà. (Chỉ hình Bi đứng bên cửa sổ nhà bà ở quê, nghĩ về cảnh gia đình đầm ấm có cả bà, cả bố mẹ và bé Li).  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ: GV chỉ các từ được gạch chân: quê, nghỉ hè, nhà bà, xa nhà, giá, ra phố, đỡ nhớ.  - Luyện đọc câu:  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - Y/c HS đọc câu.  - GV hướng dẫn HS đọc tương tự như thế với câu 2, 3, 4.  - Đọc tiếp nối câu.  - Thi đọc cả bài:  - GV tổ chức thi đọc.  - GV kết hợp nhận xét đánh giá.  - GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? | - HS lắng nghe.  - HS đọc (cá nhân/cả lớp): **quê, nghỉ hè, nhà bà, xa nhà, giá, ra phố, đỡ nhớ**.  - HS đếm: 4 câu.  - Cả lớp đọc thầm tên bài và câu 1.  - 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc đồng thanh.  - HS thực hiện.  - Các cặp, tổ thi nhau đọc cả bài.  -1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS phát biếu: Bi rất yêu bà, yêu bố mẹ. Bi muốn sống cùng cả bà, cả bố mẹ, gia đình luôn bên nhau. | PP, SGK |
| **Mở rộng vốn từ** | **Bài tập 2. Em chọn chữ nào?**  - GV nêu y/c của bài, đưa lên bảng 3 thẻ từ.  - GV y/c HS gắn từ tương ứng với từng tranh.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - GV cho cả lớp đọc lại kết quả.  - Gv nhận xét đánh giá, tuyên dương. | - HS lắng nghe, quan sát tranh.  - 1 HS nêu lại quy tắc chính tả ng/ngh.  - HS làm vở - điền chữ đến hoàn thành câu.  - 1 HS làm trên bảng.  - HS nhận xét.  - Cả lớp đọc:  + 1 - ngó;  + 2 - nghỉ;  + 3 - ngã. | PP, VBT, thẻ từ |
| **3. Chính tả** | **Bài tập 3. Tập chép**  - GV giới thiệu bài tập chính tả mới: bài tập chép.  - Nêu YC, cho cả lớp đọc câu văn cần tập chép.  - GV lưu ý cho HS những từ dễ viết nhầm: phố, nhỏ, quê,...  - YC học sinh chép câu văn trong VBT.  - Yêu cầu HS tự soát lại câu vừa chép, đổi vở trong nhóm đôi để kiểm tra lỗi cho nhau. | - HS quan sát.  - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - HS nhìn mẫu, chép câu văn.  - HS tự soát lỗi, đổi vở kiểm tra chéo. | VBT |
| **2 phút** | **4. Củng cố** | - GV nhận xét tiết học.  - YC học sinh xem trước bài sau | - Lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................